

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 04 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Bê tông Ly tâm Thủ Đức thuộc Công ty Xây lắp Điện 2 (nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2) theo Quyết định số 180/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303171325 (số cũ 4103002081) đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUDUC CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: TDC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 356 A Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hữu Ý	Ủy viên
	Ông Hồ Đăng Khoa	Ủy viên
	Bà Phan Thị Hồng Phúc	Ủy viên
	Ông Tạ Đăng Tính	Ủy viên

Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hữu Ý	Giám đốc
	Ông Trần Hữu Thạch	Phó Giám đốc
	Ông Hồ Đăng Khoa	Phó Giám đốc
	Bà Phan Thị Hồng Phúc	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hữu Ý
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

Số: 430/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, được lập ngày 11 tháng 04 năm 2019, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho Báo cáo Kiểm toán số 308/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 28 tháng 03 năm 2019 do Công ty đã lập lại Báo cáo tài chính năm 2018 vào ngày 11/4/2019 ghi nhận bổ sung khoản cổ tức năm 2017 được chia từ Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1 theo Thông báo chia cổ tức số 15/TB-TDC1 ngày 22 tháng 02 năm 2019.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Thị Minh Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2018-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		115.137.641.169	120.175.552.235
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.762.564.532	60.766.815.170
1. Tiền	111		10.262.564.532	14.266.815.170
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.500.000.000	46.500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.150.717.270	40.962.439.683
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	75.997.737.996	54.506.604.508
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		896.771.002	4.782.738.768
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	2.931.804.810	2.931.804.810
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.188.113.569	5.452.658.482
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(26.863.710.107)	(26.711.366.885)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	29.904.413.047	18.446.297.382
1. Hàng tồn kho	141		29.951.003.635	18.492.887.970
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.590.588)	(46.590.588)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.319.946.320	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.319.946.320	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		176.169.395.860	94.014.600.493
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		116.736.295.293	3.958.142.364
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	116.702.461.959	3.958.142.364
- Nguyên giá	222		150.853.969.917	33.382.639.717
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.151.507.958)	(29.424.497.353)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	33.833.334	-
- Nguyên giá	228		35.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.166.666)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		81.000.000	44.019.822.383
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	81.000.000	44.019.822.383
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	45.494.217.870	46.027.275.746
1. Đầu tư vào công ty con	251		40.800.000.000	40.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.000.000.000	8.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.305.782.130)	(2.772.724.254)
VI Tài sản dài hạn khác	260		13.857.882.697	9.360.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	13.857.882.697	9.360.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		291.307.037.029	214.190.152.728

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		132.749.257.056	73.019.507.331
I- Nợ ngắn hạn	310		95.728.554.672	67.509.273.092
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	44.341.120.583	27.526.150.934
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.212.155.303	2.929.637.858
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	8.396.603.956	7.863.792.776
4. Phải trả người lao động	314		16.239.786.842	15.148.185.406
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	650.880.555	1.143.496.644
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.165.291.083	1.297.347.877
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	11.183.120.339	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	7.456.048.052	9.484.718.638
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.083.547.959	2.115.942.959
II- Nợ dài hạn	330		37.020.702.384	5.510.234.239
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.17	37.020.702.384	5.510.234.239
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		158.557.779.973	141.170.645.397
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	158.557.779.973	141.170.645.397
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.141.000.000	64.141.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.737.500.000	6.737.500.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.090.000)	(18.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		61.297.944.397	42.229.383.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.399.425.576	28.080.851.793
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	(78.710.074)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		26.399.425.576	28.159.561.867
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		291.307.037.029	214.190.152.728

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Trúc



Phạm Anh Linh



Nguyễn Hữu Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	245.972.122.602	225.435.539.423
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		225.442.396	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	245.746.680.206	225.435.539.423
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	203.888.216.454	175.211.384.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		41.858.463.753	50.224.154.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	9.577.280.069	8.350.125.938
7. Chi phí tài chính	22	5.22	2.960.437.189	3.254.384.985
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.502.204.797	53.718.486
8. Chi phí bán hàng	25	5.23	1.295.586.437	4.391.919.809
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	16.170.636.475	17.027.198.268
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		31.009.083.721	33.900.777.830
11. Thu nhập khác	31	5.25	42.458.149	64.587.228
12. Chi phí khác	32	5.25	46.259.900	224.734.800
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(3.801.751)	(160.147.572)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		31.005.281.970	33.740.630.258
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	4.605.856.394	5.581.068.391
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		26.399.425.576	28.159.561.867

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Minh Trú

Phạm Anh Linh



Nguyễn Hữu Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.005.281.970	33.740.630.258
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.893.177.271	2.047.823.105
- Các khoản dự phòng	03	(1.343.269.488)	4.263.254.778
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.687.197)	(661.531)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.590.293.635)	(8.320.006.836)
- Chi phí lãi vay	06	1.502.204.797	53.718.486
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	26.464.413.718	31.784.758.260
- Biến động các khoản phải thu	09	(18.928.525.133)	13.836.319.392
- Biến động hàng tồn kho	10	(8.842.437.655)	(5.055.734.806)
- Biến động các khoản phải trả	11	3.632.920.711	(1.500.567.298)
- Biến động chi phí trả trước	12	856.577.303	(6.538.325)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.502.204.797)	(53.718.486)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.561.390.873)	(6.235.278.582)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	777.335.260
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.632.395.000)	(2.459.530.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.513.041.726)	31.087.045.415
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(76.633.445.231)	(37.166.813.117)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	22.276.577	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.835.975.061	6.764.006.836
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(69.775.193.593)	(30.402.806.281)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	58.558.373.609	10.022.478.434
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.864.785.125)	(4.512.244.195)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.412.291.000)	(3.206.145.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36.281.297.484	2.304.088.739
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(38.006.937.835)	2.988.327.873
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	60.766.815.170	57.777.825.766
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.687.197	661.531
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	22.762.564.532	60.766.815.170

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng



Bùi Minh Trúc



Phạm Anh Linh



Nguyễn Hữu Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Bê tông Ly tâm Thủ Đức thuộc Công ty Xây lắp Điện 2 (nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2) theo Quyết định số 180/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303171325 (số cũ 4103002081) đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUDUC CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: TDC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 là 64.141.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn góp tại thời điểm ngày 31/12/2018

Stt	Đối tượng	Theo sổ cổ đông thực tế tại 31/12/2018		
		VND	%	Cổ phần
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	32.711.910.000	51,00	3.271.191
2	Bà Hà Thị Kim Dung	3.236.100.000	5,05	323.610
3	Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	28.192.990.000	43,95	2.819.299
	Cộng	64.141.000.000	100	6.414.100

Trụ sở chính của Công ty tại số 356 A Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2018 là: 296 người (Tại ngày 31/12/2017 là 259 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc cừ, ống cống, ống cọc, cầu kiện bê tông, bê tông thương phẩm); Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp điện đến 110 KV, điện dân dụng và điện công nghiệp; Thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng; Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị sản xuất bê tông, kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí phi tiêu khác), vật liệu xây dựng, vật tư - thiết bị - máy móc kỹ thuật (trừ kinh doanh máy in); Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình); Chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông công nghiệp; Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu, vật tư, thiết bị kỹ thuật; Kinh doanh vận tải hàng hóa; Kinh doanh nhà; Thiết kế sản phẩm bê tông công nghiệp, cơ khí, thiết bị nâng công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2018: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có công ty con, công ty liên kết và chi nhánh như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con			
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Sản xuất Bê tông ly tâm	51%	51%
Đầu tư vào Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	Sản xuất Xây lắp trụ điện	20%	20%
Đơn vị trực thuộc			
Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	Sản xuất bê tông công nghiệp		

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 56/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	05 - 25
Máy móc, thiết bị khác	02 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 07

TSCĐ vô hình là phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: trích trước tiền chiết khấu thanh toán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính công ty phát hành, nhưng nó không bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Các cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán.

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TRA
CHẤM DẤU

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sau đó chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	699.086.348	2.100.399.194
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.563.478.184	12.166.415.976
Tương đương tiền	12.500.000.000	46.500.000.000
Cộng	22.762.564.532	60.766.815.170

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng lãi suất 4,5%/năm và 5,5%/năm.

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	75.997.737.996	54.506.604.508
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công Nghệ Cao	19.710.773.864	19.710.773.864
Công ty TNHH Xây dựng Lưu Nguyễn	15.541.133.815	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	8.217.565.760	4.992.327.066
Viễn Thông Bình Phước	1.160.450.500	4.105.636.216
Phải thu các đối tượng khác	31.367.814.057	25.697.867.362
Cộng	75.997.737.996	54.506.604.508
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	8.781.738.620	8.827.690.926
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	8.217.565.760	4.992.327.066
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	380.890.000	380.890.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	183.282.860	3.454.473.860

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu về cho vay

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	2.931.804.810	2.931.804.810	2.931.804.810	2.931.804.810
Cộng	2.931.804.810	2.931.804.810	2.931.804.810	2.931.804.810

Phải thu về cho vay là khoản phải thu Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON theo Giấy nhận nợ số 01/2015 ngày 25 tháng 02 năm 2015. Số tiền cho vay: 3.831.804.810 đồng; Lãi suất cho vay: 7%/năm thả nổi tăng giảm theo lãi suất của Ngân hàng Viettinbank áp dụng cho Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức.

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	8.188.113.569	616.475.005	5.452.658.482	450.013.643
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	7.160.000.000	-	4.452.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	345.690.255	345.690.255	345.690.255	345.690.255
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	624.800.181	270.784.750	416.723.480	104.323.388
Tạm ứng	9.278.269	-	1.320.791	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.684.930	-	144.219.178	-
- Chi nhánh Đồng Sài Gòn				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển				
Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quận 9	1.232.877	-	81.733.333	-
Phải thu khác	6.427.057	-	10.971.445	-
Trong đó phải thu các bên liên quan	7.784.800.181	-	4.868.723.480	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	7.160.000.000	-	4.452.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	624.800.181	-	416.723.480	-
Cộng	8.188.113.569	616.475.005	5.452.658.482	450.013.643

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5 Nợ xấu

Mẫu B 09-DN

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	27.236.505.539	372.795.432	27.055.066.978	343.700.093
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao	19.710.773.864	-	19.710.773.864	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	2.931.804.810	-	2.931.804.810	-
Các đối tượng khác	4.593.926.865	372.795.432	4.066.559.124	343.700.093
Cộng	27.236.505.539	372.795.432	27.055.066.978	343.700.093
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	26.863.710.107		26.711.366.885	
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công Nghệ Cao	-	-	-	19.710.773.864
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	-	-	-	2.931.804.810
Các đối tượng khác	-	-	-	4.593.926.865
Cộng				27.236.505.539

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.322.621.820	-	7.478.570.017	-
Công cụ, dụng cụ	91.672.195	-	72.293.919	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh	-	-	370.884.000	-
Thành phẩm	14.882.647.440	(46.590.588)	8.416.014.097	(46.590.588)
Hàng gửi bán	3.654.062.180	-	2.155.125.937	-
Cộng	29.951.003.635	(46.590.588)	18.492.887.970	(46.590.588)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất: 46.590.588 đồng.

Lý do trích lập dự phòng: giá gốc hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị thuần có thể chấp nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	7.496.829.136	23.030.504.896	2.506.977.885	348.327.800	33.382.639.717
Tăng trong năm	66.623.167.260	47.165.546.559	3.537.945.819	309.670.562	117.636.330.200
Mua trong năm	-	3.953.292.961	2.362.340.000	-	6.315.632.961
Đầu tư XD CB hoàn thành	66.623.167.260	43.212.253.598	1.175.605.819	309.670.562	111.320.697.239
Giảm trong năm	-	165.000.000	-	-	165.000.000
Thanh lý nhượng bán	-	165.000.000	-	-	165.000.000
Số dư tại 31/12/2018	74.119.996.396	70.031.051.455	6.044.923.704	657.998.362	150.853.969.917
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	7.405.945.789	20.006.587.873	1.723.677.517	288.286.174	29.424.497.353
Tăng trong năm	1.702.357.612	2.863.262.096	272.543.110	53.847.787	4.892.010.605
Khấu hao trong năm	1.702.357.612	2.863.262.096	272.543.110	53.847.787	4.892.010.605
Giảm trong năm	-	165.000.000	-	-	165.000.000
Thanh lý nhượng bán	-	165.000.000	-	-	165.000.000
Số dư tại 31/12/2018	9.108.303.401	22.704.849.969	1.996.220.627	342.133.961	34.151.507.958
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	90.883.347	3.023.917.023	783.300.368	60.041.626	3.958.142.364
Tại ngày 31/12/2018	65.011.692.995	47.326.201.486	4.048.703.077	315.864.401	116.702.461.959

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018 với giá trị là 26.684.756.829 đồng (tại 31/12/2017: 25.586.868.791 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2018 là 64.949.446.600 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	81.000.000	44.019.822.383
Nhà máy Bến Cát Bình Dương	81.000.000	29.319.822.383
Giá trị quyền sử dụng đất Bến Cát	-	14.700.000.000
Cộng	81.000.000	44.019.822.383

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	13.857.882.697	9.360.000
- Chi mua bảo hiểm	51.103.636	9.360.000
Chi phí Giải phóng mặt bằng tại Bình Dương	8.554.323.115	-
Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Bình Dương	5.252.455.946	-
Cộng	13.857.882.697	9.360.000

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.17, quyền sử dụng đất thuê trả hàng năm tại Nhà máy Bến Cát được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

		Tỷ lệ		31/12/2018		01/01/2018	
Đối tượng đầu tư	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá trị hợp lý		Giá trị hợp lý (*)	
				Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng hợp lý (*)
Đầu tư vào Công ty con				40.800.000.000	-	40.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	51%	51%	4.080.000	40.800.000.000	-	40.800.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				8.000.000.000	(3.305.782.130)	8.000.000.000	(2.772.724.254)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	20%	20%	800.000	8.000.000.000	(3.305.782.130)	8.000.000.000	(2.772.724.254)
Cộng				48.800.000.000	(3.305.782.130)	48.800.000.000	(2.772.724.254)

Đơn vị tính: VND

(*) Tại ngày lập Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn. Dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ trên Báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

5.12 Phải trả người bán

		31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
a) Ngắn hạn		Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
		44.341.120.583	44.341.120.583	27.526.150.934	27.526.150.934
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1		-	-	6.160.312.888	6.160.312.888
Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Hưng An		-	-	3.686.407.508	3.686.407.508
Công ty TNHH Nghĩa Thành		9.139.379.701	9.139.379.701	4.334.053.101	4.334.053.101
Beijingparade Baihuiyoubang Ke Mao Ltd		4.877.014.790	4.877.014.790	-	-
Phải trả người bán khác		30.324.726.092	30.324.726.092	13.345.377.437	13.345.377.437
Trong đó: Phải trả bên liên quan		-	-	6.160.312.888	6.160.312.888
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1		-	-	6.160.312.888	6.160.312.888
Cộng		44.341.120.583	44.341.120.583	27.526.150.934	27.526.150.934

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018 VND
Phải nộp	7.863.792.776	14.104.298.455	13.571.487.275	8.396.603.956
-Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	1.086.004.015	8.034.825.581	9.120.829.596	-
-Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.561.390.873	4.605.856.394	3.561.390.873	4.605.856.394
-Thuế thu nhập cá nhân	65.003.024	625.480.372	652.354.706	38.128.690
-Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.901.068.025	617.136.108	15.912.100	3.502.292.033
-Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	250.326.839	221.000.000	221.000.000	250.326.839
Số thuế còn lại phải nộp	7.863.792.776	14.104.298.455	13.571.487.275	8.396.603.956

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	650.880.555	1.143.496.644
Trích trước chi phí chiếu khấu bán hàng	650.880.555	720.567.000
Tiền ăn ca tháng 12 năm 2017	-	303.195.000
Chi phí khác	-	119.734.644
Cộng	650.880.555	1.143.496.644

5.15 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	1.165.291.083	1.297.347.877
Kinh phí công đoàn	521.340.906	442.027.086
Bảo hiểm xã hội	5.927.353	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	562.000.000	777.335.260
Phải trả khác	76.022.824	77.985.531
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.165.291.083	1.297.347.877

5.16 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	7.456.048.052	9.484.718.638
Dự phòng bảo hành sản phẩm	7.456.048.052	9.484.718.638
b) Dài hạn	-	-
Cộng	7.456.048.052	9.484.718.638

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Trong năm				Đơn vị tính: VND	
	31/12/2018		01/01/2018			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (*)	11.183.120.339	11.183.120.339	25.505.376.198	14.322.255.859	-	-
-Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	5.013.003.275	5.013.003.275	19.335.259.134	14.322.255.859	-	-
-Vay của Công Đoàn Công ty	5.013.003.275	5.013.003.275	5.013.003.275	-	-	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
-Ngân hàng TMCP thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn (**)	6.170.117.064	6.170.117.064	6.170.117.064	-	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
-Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn (**)	37.020.702.384	37.020.702.384	39.223.114.475	7.712.646.330	5.510.234.239	5.510.234.239
Cộng	37.020.702.384	37.020.702.384	39.223.114.475	7.712.646.330	5.510.234.239	5.510.234.239
	48.203.822.723	48.203.822.723	64.728.490.673	22.034.902.189	5.510.234.239	5.510.234.239

(*) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 011/1875/N-CTD ngày 01/08/2018. Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng; Thời hạn cấp tín dụng: 30/06/2019; Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ cụ thể; Đảm bảo thực hiện hợp đồng: Cấp tín dụng không có tài đảm bảo.

(**) Vay dài hạn theo Hợp đồng vay dự án đầu tư của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn số 291/2017-HĐCVDADT/NHCT946-BTLTTD ngày 27/09/2017 với số tiền cam kết cho vay có tổng trị giá không vượt quá 102.901.000.000 đồng.
Mục đích vay dùng để thanh toán các chi phí hợp lý để đầu tư Dự Án nhà máy sản xuất bê tông ly tâm tại Ấp Rạch Bắp, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân khoản nợ đầu tiên. Thời gian ân hạn: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất.

Khoản vay được bảo đảm bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai và quyền sử dụng đất thuê trả hàng năm tại Nhà máy Bến Cát.
Số dư tại ngày 31/12/2018 là 43.190.819.448 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	27.166.395.449	21.090.423.581	119.117.229.030
Tăng trong năm	-	-	-	15.062.988.155	28.159.561.867	43.222.550.022
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	28.159.561.867	28.159.561.867
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.062.988.155	-	15.062.988.155
Giảm trong năm	-	-	-	-	21.169.133.655	21.169.133.655
Phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	15.062.988.155	15.062.988.155
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	2.900.000.000	2.900.000.000
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	3.206.145.500	3.206.145.500
Số dư tại 31/12/2017	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	42.229.383.604	28.080.851.793	141.170.645.397
Số dư tại 01/01/2018	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	42.229.383.604	28.080.851.793	141.170.645.397
Tăng trong năm	-	-	-	19.068.560.793	26.399.425.576	45.467.986.369
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	26.399.425.576	26.399.425.576
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	19.068.560.793	-	19.068.560.793
Giảm trong năm	-	-	-	-	28.080.851.793	28.080.851.793
Phân phối lợi nhuận năm 2017 (*)	-	-	-	-	19.068.560.793	19.068.560.793
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	2.600.000.000	2.600.000.000
Chia cổ tức năm 2017 (*)	-	-	-	-	6.412.291.000	6.412.291.000
Số dư tại 31/12/2018	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	61.297.944.397	26.399.425.576	158.557.779.973

Đơn vị tính: VND

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 464/TDC-DHDCĐ ngày 20/04/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	32.711.910.000	32.711.910.000
Bà Hà Thị Kim Dung	3.236.100.000	3.236.100.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	28.192.990.000	28.192.990.000
Cộng	64.141.000.000	64.141.000.000

Chi tiết vốn chủ sở hữu được cập nhật theo danh sách cổ đông gần nhất.

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	64.141.000.000	64.141.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	64.141.000.000	64.141.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.412.291.000	3.206.145.500

d. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.414.100	6.414.100
Cổ phiếu phổ thông	6.414.100	6.414.100
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.809	1.809
Cổ phiếu phổ thông	1.809	1.809
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.412.291	6.412.291
Cổ phiếu phổ thông	6.412.291	6.412.291
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	61.297.944.397	42.229.383.604
Cộng	61.297.944.397	42.229.383.604

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	245.972.122.602	225.435.539.423
Cộng	245.972.122.602	225.435.539.423
Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Hàng bán bị trả lại	225.442.396	-
Cộng	225.442.396	-
Doanh thu thuần	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa	327.600.000	39.000.000
Doanh thu bán thành phẩm	214.336.633.407	206.525.726.676
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.082.446.799	18.870.812.747
Cộng	245.746.680.206	225.435.539.423

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	312.130.000	38.610.000
Giá vốn của thành phẩm đã bán	171.457.296.206	155.813.391.622
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.118.790.248	19.359.382.847
Cộng	203.888.216.454	175.211.384.469

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	1.199.940.357	1.991.930.133
Lãi cho vay	208.076.701	208.076.703
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.160.000.000	6.120.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.575.814	30.119.102
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.687.197	-
Cộng	9.577.280.069	8.350.125.938

5.22 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	1.502.204.797	53.718.486
Chiết khấu thanh toán	735.220.000	1.601.033.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá	189.954.516	16.697.914
Dự phòng tổn thất đầu tư	533.057.876	1.582.934.745
Cộng	2.960.437.189	3.254.384.985

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	2.148.041.707	1.891.823.574
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	26.853.469	98.281.946
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.350.909	-
Chi phí bảo hành	(2.028.670.586)	917.922.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.985.189	178.298.686
Chi phí bằng tiền khác	970.025.749	1.305.593.578
Cộng	1.295.586.437	4.391.919.809

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.950.023.185	10.156.377.369
Chi phí vật liệu quản lý	-	2.636.364
Chi phí đồ dùng văn phòng	172.377.700	162.159.831
Chi phí khấu hao TSCĐ	276.555.943	557.617.396
Thuế phí và lệ phí	301.601.801	160.127.000
Chi phí dự phòng	139.823.222	1.762.398.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	478.580.681	467.724.439
Chi phí bằng tiền khác	3.851.673.943	3.758.157.861
Cộng	16.170.636.475	17.027.198.268

5.25 Lợi nhuận khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22.276.577	-
Thanh lý vật tư tồn kho	-	56.402.130
Các khoản khác	20.181.572	8.185.098
Cộng	42.458.149	64.587.228
Chi phí khác		
Xử lý chênh lệch kiểm kê	-	101.740.851
Các khoản bị phạt	16.000.000	122.711.696
Các khoản khác	30.259.900	282.253
Cộng	46.259.900	224.734.800
Thu nhập khác thuần	(3.801.751)	(160.147.572)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	2.948.283.000	3.183.029.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan

Giao dịch mua

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1

Giao dịch bán

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1

Giao dịch khác

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON

Cộng

<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Công ty con	Mua hàng	1.945.608.036	1.021.165.654
Công ty con	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	11.325.787.070	2.424.593.393
Công ty mẹ	Cổ tức Công ty phải trả	3.271.191.000	1.635.595.500
Công ty con	Cổ tức Công ty được nhận	8.160.000.000	6.120.000.000
Công liên kết	Phải thu tiền lãi cho vay	208.076.701	208.076.703
		24.910.662.807	11.409.431.250

Số dư phải thu với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung</u>	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	Công ty liên kết	Phải thu về cho vay	2.931.804.810	2.931.804.810

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.762.564.532	60.766.815.170
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.244.667.999	36.178.380.124
Cộng	83.007.232.531	96.945.195.294
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	48.203.822.723	5.510.234.239
Phải trả người bán và phải trả khác	45.506.411.666	28.823.498.811
Chi phí phải trả	650.880.555	1.143.496.644
Cộng	94.361.114.944	35.477.229.694

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	4.877.014.790	-	101.463.033	315.603.074
Tổng	4.877.014.790	-	101.463.033	315.603.074

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, Công ty đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	45.506.411.666	-	45.506.411.666
Chi phí phải trả	650.880.555	-	650.880.555
Các khoản vay	11.183.120.339	37.020.702.384	48.203.822.723
Cộng	57.340.412.560	37.020.702.384	94.361.114.944
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	28.823.498.811	-	28.823.498.811
Chi phí phải trả	1.143.496.644	-	1.143.496.644
Các khoản vay	-	5.510.234.239	5.510.234.239
Cộng	29.966.995.455	5.510.234.239	35.477.229.694

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.762.564.532	-	22.762.564.532
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.244.667.999	-	60.244.667.999
Cộng	83.007.232.531	-	83.007.232.531
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.766.815.170	-	60.766.815.170
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.178.380.124	-	36.178.380.124
Cộng	96.945.195.294	-	96.945.195.294

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY THỦ ĐỨC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Người lập

Bùi Minh TrúC

Kế toán trưởng

Phạm Anh Linh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2019

Giám đốc



Nguyễn Hữu Ý